

QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN VĨNH AN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN VĨNH AN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|--------------|
| Thông tin chung về Quỹ | 1 |
| Công bố trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với báo cáo tài chính | 2 |
| Phê chuẩn báo cáo tài chính của Ban Đại diện Quỹ | 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 |
| Báo cáo thu nhập (Mẫu số B 01 – QM) | 6 |
| Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B 02 – QM) | 8 |
| Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ (Mẫu số B 03 – QM) | 10 |
| Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 04 – QM) | 11 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 05 – QM) | 12 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 06 – QM) | 14 |

QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN VĨNH AN

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

| | |
|----------------------------|--|
| Công ty Quản lý Quỹ | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam, với Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 01/GCN-QLQHTBSTN do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 5 năm 2019 |
| Ban Đại diện Quỹ | Ông Trần Đắc Sinh Chủ tịch Ông Võ Tấn Hoàng Văn Thành viên Ông Nguyễn Hoàng Khánh Thành viên |
| Ngân hàng Giám sát | Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) |
| Trụ sở đăng ký | Lầu 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Công ty kiểm toán | Công ty TNHH PwC (Việt Nam) |

QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN VĨNH AN

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện Vĩnh An (“Quỹ”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 28 tháng 4 năm 2021 (ngày giao dịch đầu tiên) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi giả định Quỹ hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN VĨNH AN

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 28 tháng 4 năm 2021 (ngày giao dịch đầu tiên) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán quy định tại Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012, Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ hưu trí tự nguyện.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Trần Đức Sinh
Chủ tịch
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI NGƯỜI THAM GIA QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN VĨNH AN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện Vĩnh An (“Quỹ”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn ngày 15 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 28 tháng 4 năm 2021 (ngày giao dịch đầu tiên) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”)

Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán quy định tại Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012, Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ hưu trí tự nguyện. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý cho giai đoạn từ ngày 28 tháng 4 năm 2021 (ngày giao dịch đầu tiên) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán quy định tại Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012, Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ hưu trí tự nguyện.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM11539
Thành phố Hồ Chí Minh
Ngày 15 tháng 3 năm 2022



Đoàn Trần Phương Thảo
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4701-2019-006-1

BÁO CÁO THU NHẬP

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 VND |
|-----------|--|-------------|---|
| 01 | I. THU NHẬP VÀ DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | 873.489.911 |
| 03 | 1.1. Tiền lãi được nhận | 5.1 | 124.530.098 |
| 04 | 1.2. Lãi bán các khoản đầu tư | 5.2 | 237.136.297 |
| 05 | 1.3. Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 5.3 | 511.823.516 |
| 10 | II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ | | (95.893.180) |
| 11 | 2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư | 5.4 | (2.174.946) |
| 15 | 2.2. Chi phí đầu tư khác | 8(a)(i) | (93.718.234) |
| 20 | III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ | | (340.472.882) |
| 20.1 | 3.1. Phí quản lý quỹ | 8(a)(i) | (49.237.805) |
| 20.2 | 3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản của Quỹ | 5.5 | (232.160) |
| 20.5 | 3.3. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng | | (133.650.000) |
| 20.8 | 3.4. Chi phí kiểm toán | | (79.200.000) |
| 20.10 | 3.5. Chi phí hoạt động khác | 5.6 | (78.152.917) |
| 23 | IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | 437.123.849 |

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO THU NHẬP
(tiếp theo)

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 VND |
|-------|--|-------------|---|
| 24 | V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC | | - |
| 30 | VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ | | <u>437.123.849</u> |
| 31 | 6.1. Lỗ đã thực hiện | 6.8 | (74.699.667) |
| 32 | 6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | 6.8 | 511.823.516 |
| 40 | VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) | | - |
| 41 | VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN | | <u>437.123.849</u> |



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Beat Schurch
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Ninh Thị Tuệ Minh
Kế toán Quỹ
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | Tại ngày 31/12/2021 VND |
|------------|---|-------------|-------------------------------|
| 100 | I. TÀI SẢN | | |
| 110 | 1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền | 6.1 | 213.833.914 |
| 111 | 1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ | | 213.833.914 |
| 120 | 2. Các khoản đầu tư thuần | | 16.174.562.751 |
| 121 | 2.1. Các khoản đầu tư | 6.2 | 16.174.562.751 |
| 130 | 3. Các khoản phải thu | | 348.476.712 |
| 133 | 3.2. Phải thu và dự thu tiền lãi các khoản đầu tư | | 348.476.712 |
| 136 | 3.2.2 Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận | 6.3 | 348.476.712 |
| 100 | TỔNG TÀI SẢN | | 16.736.873.377 |
| 300 | II. NỢ PHẢI TRẢ | | |
| 313 | 3. Phải trả cho các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ | | 572.933 |
| 316 | 6. Chi phí phải trả | 6.4 | 91.235.617 |
| 317 | 7. Phải trả cho người tham gia Quỹ về mua chứng chỉ quỹ | 6.5 | 48.000.000 |
| 319 | 9. Phải trả các dịch vụ quản lý quỹ | 6.6 | 26.112.153 |
| 300 | TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 165.920.703 |

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
(tiếp theo)

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | Tại ngày |
|-------|---|-------------|-------------------|
| | | | 31/12/2021 VND |
| 400 | III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NGƯỜI THAM GIA QUỸ | 6.7 | 16.570.952.674 |
| 411 | 1. Vốn góp của người tham gia Quỹ | | 15.976.937.800 |
| 412 | 1.1. Vốn góp phát hành | 6.7 | 16.890.011.800 |
| 413 | 1.2. Vốn góp mua lại | 6.7 | (913.074.000) |
| 414 | 2. Thặng dư vốn góp của người tham gia Quỹ | | 156.891.025 |
| 420 | 3. Lợi nhuận chưa phân phối | 6.8 | 437.123.849 |
| 430 | IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ | | 10.371,79 |
| 440 | V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NGƯỜI THAM GIA QUỸ | | - |
| | VI. CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH | | |
| 004 | 4. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành | | 1.597.693,78 |



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Beat Schurch
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Ninh Thị Tuệ Minh
Kế toán Quỹ
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

| | | Giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 |
|------------|---|--|
| | | VND |
| I | Giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ tại ngày giao dịch đầu tiên | 6.775.644.810 |
| II | Thay đổi NAV trong giai đoạn báo cáo | 437.123.849 |
| | <i>Trong đó:</i> | |
| II.1 | Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong giai đoạn | 437.123.849 |
| III | Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ | 9.358.184.015 |
| | <i>Trong đó:</i> | |
| III.1 | Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ | 10.302.900.000 |
| III.2 | Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ | (944.715.985) |
| IV | NAV của Quỹ tại ngày 31/12/2021 | 16.570.952.674 |
| V | NAV trên một chứng chỉ quỹ tại ngày 31/12/2021 | 10.371,79 |



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Beat Schurch
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Ninh Thị Tuệ Minh
Kế toán Quỹ
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

| STT | Chi tiêu | Số lượng | Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2021 VND | Tổng giá trị VND | Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản của Quỹ % |
|------------|---|------------|---|-----------------------|--|
| I | Chứng chỉ quỹ đại chứng niêm yết | | | | |
| 1 | FUEVFNVD | 48.000 | 28.050 | 1.346.400.000 | 8,04% |
| II | Chứng chỉ quỹ đại chứng không niêm yết | | | 6.712.634.751 | 40,11% |
| 1 | DCDS | 20.621,44 | 78.132,88 | 1.611.212.497 | 9,63% |
| 2 | DCBF | 145.071,65 | 22.269,94 | 3.230.736.941 | 19,30% |
| 3 | DCIP | 193.613,44 | 9.661,96 | 1.870.685.313 | 11,18% |
| III | Trái phiếu Chính phủ | | | 8.115.528.000 | 48,49% |
| 1 | TD1424092 | 68.000 | 119.346 | 8.115.528.000 | 48,49% |
| IV | Tài sản khác | | | 348.476.712 | 2,08% |
| 1 | Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận | | | 348.476.712 | 2,08% |
| IV | Tiền | | | 213.833.914 | 1,28% |
| 1 | Tiền gửi ngân hàng | | | 213.833.914 | 1,28% |
| V | Tổng giá trị danh mục | | | 16.736.873.377 | 100,00% |



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Beat Schurch
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Ninh Thị Tuệ Minh
Kế toán Quỹ
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | Giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 VND |
|-------|--|-------------|---|
| | I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp | | 437.123.849 |
| 02 | 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | (432.623.516) |
| 03 | Chênh lệch do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 5.3 | (511.823.516) |
| 04 | Chi phí trích trước | | 79.200.000 |
| 05 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động | | 4.500.333 |
| 20 | Tăng các khoản đầu tư | | (15.662.739.235) |
| 07 | Tăng dự thu tiền lãi | | (348.476.712) |
| 11 | Tăng phải trả các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ | | 572.933 |
| 14 | Tăng phải trả cho người tham gia Quỹ về mua chứng chỉ quỹ | | 48.000.000 |
| 16 | Tăng các khoản phải trả khác | | 12.035.617 |
| 17 | Tăng phải trả các dịch vụ quản lý quỹ | | 26.112.153 |
| 19 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (15.919.994.911) |
| | II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ | 6.7 | 10.302.900.000 |
| 32 | 2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ | 6.7 | (944.715.985) |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 9.358.184.015 |
| 40 | III. Giảm tiền thuần trong giai đoạn | | (6.561.810.896) |

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | Giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 VND |
|-------|---|-------------|---|
| 50 | IV. Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày giao dịch đầu tiên | | 6.775.644.810 |
| 53 | Tiền gửi của người tham gia Quỹ về mua và mua lại chứng chỉ quỹ | | 6.775.644.810 |
| 55 | V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2021 | 6.1 | 213.833.914 |
| 57 | Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ | | 165.833.914 |
| 58 | Tiền gửi của người tham gia Quỹ về mua và mua lại chứng chỉ quỹ | | 48.000.000 |
| 60 | VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong giai đoạn | | (6.561.810.896) |



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Beat Schurch
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Ninh Thị Tuệ Minh
Kế toán Quỹ
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN VĨNH AN

1.1 Thông tin chung

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện Vĩnh An (“Quỹ”) là một quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện trong Chương trình hưu trí “Dragon Capital Hưu Trí An Vui” do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) cung cấp và quản lý.

Quỹ hoạt động tuân thủ theo Nghị định 88/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 1 tháng 7 năm 2016 về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, Thông tư 86/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2017, các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan áp dụng cho quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và Điều lệ của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 01/GCN-QLQHTBSTN ngày 15 tháng 5 năm 2019.

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (“SCBVN”) được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ.

1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ

Quy mô vốn

Quy mô vốn của Quỹ dựa trên số vốn thực góp của người tham gia Quỹ được trình bày tại Thuyết minh số 6.7.

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là để bảo toàn số tiền đóng góp của người tham gia quỹ trước việc mất giá do lạm phát và đem lại mức gia tăng đối với số tiền đóng góp ở mức độ hợp lý với mức độ chấp nhận rủi ro của người tham gia quỹ.

Chiến lược đầu tư của Quỹ là phân bổ vào các tài sản:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại đáp ứng đủ điều kiện quy định về chiến lược đầu tư của Quỹ;
- b) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; và
- c) Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán theo điều kiện quy định về chiến lược đầu tư của Quỹ.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ bao gồm:

- (i) Tối đa 20% tổng tài sản vào chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư chứng khoán không phải là quỹ đầu tư trái phiếu;
- (ii) Tối thiểu 80% tổng tài sản vào trái phiếu Chính phủ hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư trái phiếu, trong đó tối thiểu 50% tổng tài sản vào trái phiếu Chính phủ; và
- (iii) Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ở mức phù hợp cho hoạt động đầu tư của Quỹ.

Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định tương ứng với tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ và hàng quý vào ngày làm việc đầu tiên trong quý tiếp theo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN VĨNH AN (tiếp theo)

1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản trừ đi tổng nợ phải trả. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản tại ngày trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước ngày định giá, và được lấy đến hai chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là hai lần trong một tháng, vào ngày thứ Tư thứ hai và thứ tư hàng tháng, là ngày làm việc. Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày giao dịch đó sẽ chuyển sang ngày làm việc liền sau ngày giao dịch bị rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Tần suất giao dịch của Quỹ đảm bảo không được ít hơn một lần một tháng.

Phân phối thu nhập của Quỹ

Quỹ không phân phối lợi nhuận hàng năm.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 28 tháng 4 năm 2021 (ngày giao dịch đầu tiên) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (tiếp theo)

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch chứng khoán có ảnh hưởng lớn đến giá giao dịch và thanh toán. Ngoài ra, Quỹ còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính như phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày trước ngày định giá (ngày báo cáo). Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán quy định tại Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012, Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ hưu trí tự nguyện.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

3.2 Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của người tham gia Quỹ về mua chứng chỉ quỹ, tiền gửi của Quỹ cho mục đích thanh toán cho người tham gia Quỹ về mua lại chứng chỉ quỹ, tiền gửi phong tỏa tổng hợp về mua chứng chỉ quỹ và các khoản đầu tư ngắn hạn dưới ba (03) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày giao dịch. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày báo cáo theo Thông tư 198/2012/TT-BTC. Mức giá để đánh giá lại được xác định theo Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Điều lệ Quỹ.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày báo cáo.

Đánh giá lại

(a) Trái phiếu niêm yết

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết bình quân gia quyền cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch, hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán, tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).

Trong các trường hợp sau:

- (i) Các trái phiếu không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc
- (ii) Các trái phiếu chỉ có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán với giá có biến động bất thường theo quy định tại sổ tay định giá của Quỹ

Các trái phiếu trong trường hợp (i) và (ii) sẽ được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.

Lãi lũy kế chưa được nhận của trái phiếu được ghi nhận là khoản phải thu trên báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đánh giá lại (tiếp theo)

(b) Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết

Các chứng chỉ này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Các chứng chỉ quỹ không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước ngày định giá;
- Giá mua;
- Giá trị sổ sách;
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận

(c) Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết

Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết được định giá bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá của Quỹ.

(d) Tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi có kỳ hạn được định giá bằng giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.

Lãi lũy kế chưa được nhận được ghi nhận là khoản phải thu trên báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày báo cáo.

Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư 198/2012/TT-BTC.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ sau khi được người tham gia Quỹ thông qua.

Dự phòng phát sinh trong kỳ kế toán liên quan đến phải thu bán chứng khoán được hạch toán vào chi phí trong báo cáo thu nhập.

Dự phòng phát sinh trong kỳ kế toán liên quan đến lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập trong báo cáo thu nhập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

4.5 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc định nghĩa người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với người tham gia Quỹ

Khi đóng góp vào Quỹ, số tiền được trừ tối đa vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân cho người lao động/người tham gia dưới tư cách cá nhân và chi phí được trừ tối đa khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho người sử dụng lao động lần lượt là 1 triệu đồng/người/tháng và 3 triệu đồng/người/tháng.

Khi người tham gia Quỹ rút tiền ra khỏi Quỹ trước khi nghỉ hưu hoặc nhận chi trả một lần, người tham gia Quỹ có thể sẽ phải đóng một khoản thuế thu nhập cá nhân nhất định theo pháp luật về thuế hiện hành.

Trước khi thanh toán tiền cho người tham gia Quỹ, tổ chức lưu ký có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

Các khoản chi trả hàng tháng khi nghỉ hưu được miễn thuế thu nhập cá nhân.

4.6 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi:

- Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra;
- Việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế; và
- Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.7 Vốn góp của người tham gia Quỹ

Các chứng chỉ quỹ được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 Đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các người tham gia Quỹ góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các người tham gia Quỹ tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của người tham gia Quỹ

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)

Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh lãi chưa phân phối/(lỗ lũy kế) tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ kế toán.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ kế toán là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ kế toán và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho người tham gia Quỹ

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho người tham gia Quỹ và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ kế toán.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho người tham gia Quỹ dựa trên quyết định của người tham gia Quỹ, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật hiện hành.

Lợi nhuận được phân phối cho người tham gia Quỹ bởi Công ty Quản lý Quỹ sau khi đã khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.8 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu và thu nhập được ghi nhận khi Quỹ nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu và thu nhập:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu, được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán không niêm yết).

4.9 Chi phí

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng.

4.10 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Quỹ liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Quỹ căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.11 Số liệu bằng không

Các khoản mục hay số liệu được quy định trong Thông tư 198/2012/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số liệu bằng không.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP

5.1 Tiền lãi được nhận

| | Giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 <hr style="border: 0.5px solid black;"/> VND |
|------------------|--|
| Tiền lãi đã nhận | 122.909.276 |
| Dự thu trái tức | 1.620.822 |
| | 124.530.098 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)

5.2 Lãi bán các khoản đầu tư

| Tổng giá trị thu từ việc bán các khoản đầu tư VND | Giá trung bình của các khoản đầu tư cho đến ngày giao dịch gần nhất VND | Lãi đã thực hiện cho giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 VND | Lãi đã thực hiện lũy kế đến ngày 31/12/2021 VND |
|--|---|---|--|
| 4.327.633.172 | 4.090.496.875 | 237.136.297 | 237.136.297 |

Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết

5.3 Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện

| Giá trị sổ sách VND | Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2021 VND | Lãi/(lỗ) chưa thực hiện từ đánh giá lại các khoản đầu tư lũy kế tại ngày 31/12/2021 VND | Lãi chưa thực hiện từ đánh giá lại các khoản đầu tư lũy kế tại ngày 28/04/2021 VND | Chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện cho giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 VND |
|------------------------|---|--|--|--|
| 1.293.696.000 | 1.346.400.000 | 52.704.000 | - | 52.704.000 |
| 6.253.503.125 | 6.712.634.751 | 459.131.626 | - | 459.131.626 |
| 8.115.540.110 | 8.115.528.000 | (12.110) | - | (12.110) |
| 15.662.739.235 | 16.174.562.751 | 511.823.516 | - | 511.823.516 |

Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết

Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết

Trái phiếu Chính phủ

QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỄN VINH AN

Mẫu số B 06 – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)

5.4 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư

Giai đoạn
từ 28/04/2021
đến 31/12/2021
VND

Chi phí môi giới mua

2.174.946

Chi tiết chi phí giao dịch theo từng công ty chứng khoán chính và công ty quản lý quỹ trong giai đoạn báo cáo như sau:

| STT | Công ty | Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ | Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty | | Phí giao dịch bình quân trên thị trường |
|------------------|---|---------------------------------|---|---|---|
| | | | Giá trị giao dịch trong giai đoạn báo cáo của Quỹ thông qua công ty VND | Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty trong giai đoạn báo cáo | |
| 1 | Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam | Không liên quan | 9.756.092.000 | 24.427.725.172 | 0,07% |
| 2 | Công ty Quản lý Quỹ – giao dịch chứng chỉ quỹ mở (**) | Bên liên quan | 14.671.633.172 | 24.427.725.172 | 0,64% |
| Tổng cộng | | | 24.427.725.172 | | 100,00% |

(*) Tổng giá trị giao dịch bao gồm giao dịch chứng khoán niêm yết và giao dịch chứng chỉ quỹ mở không niêm yết.
(**) Đây là mức phí áp dụng cho các quỹ mở được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)

5.5 Phí dịch vụ lưu ký tài sản của Quỹ

| | Giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 |
|---|--|
| | VND |
| Phí bảo quản tài sản | 2.160 |
| Phí giao dịch mua, bán chứng khoán (Thuyết minh 8(a)(ii)) | 230.000 |
| | <u>232.160</u> |

5.6 Chi phí hoạt động khác

| | Giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 |
|--|--|
| | VND |
| Thù lao của Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(a)(iii)) | 72.385.617 |
| Phí ngân hàng | 5.767.300 |
| | <u>78.152.917</u> |

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

6.1 Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền thể hiện tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các đơn vị sau đây:

| | Tại ngày 31/12/2021 |
|--|------------------------|
| | VND |
| 1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ | 213.833.914 |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ tại SCBVN (Thuyết minh 8(b)) | 165.833.914 |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động mua và mua lại chứng chỉ quỹ tại SCBVN (Thuyết minh 8(b)) | 48.000.000 |
| | <u>213.833.914</u> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Các khoản đầu tư

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

| | Giá mua VND | Chênh lệch đánh giá lại | | Giá trị đánh giá lại theo giá trị thị trường VND |
|---|-----------------------|-------------------------|------------------------|--|
| | | Chênh lệch tăng VND | Chênh lệch giảm VND | |
| Chứng chỉ quỹ đại chứng niêm yết | 1.293.696.000 | 52.704.000 | - | 1.346.400.000 |
| Chứng chỉ quỹ đại chứng không niêm yết | 6.253.503.125 | 459.131.626 | - | 6.712.634.751 |
| Trái phiếu Chính phủ (*) | 8.115.540.110 | - | (12.110) | 8.115.528.000 |
| | 15.662.739.235 | 511.835.626 | (12.110) | 16.174.562.751 |

(*) Thông tin chi tiết Trái phiếu Chính phủ như sau:

| | Ngày bắt đầu | Ngày đáo hạn | Lãi suất/năm | Mệnh giá |
|-----------|--------------|--------------|--------------|---------------|
| TD1424092 | 31/05/2014 | 31/05/2024 | 8,7% | 6.800.000.000 |

Lãi suất áp dụng là lãi suất cố định 8,7%/năm trên mệnh giá trái phiếu trong toàn bộ kỳ hạn trái phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận

| | Tại ngày 31/12/2021 |
|-----------------------------------|------------------------|
| | VND |
| Phải thu lãi trái phiếu Chính phủ | 348.476.712 |

6.4 Chi phí phải trả

| | Tại ngày 31/12/2021 |
|---|------------------------|
| | VND |
| Phí kiểm toán | 79.200.000 |
| Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(b)) | 12.035.617 |
| | <u>91.235.617</u> |

6.5 Phải trả cho người tham gia Quỹ về mua chứng chỉ quỹ

Phải trả cho người tham gia Quỹ về mua chứng chỉ quỹ thể hiện số tiền nhận từ người tham gia Quỹ về mua chứng chỉ quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

6.6 Phải trả các dịch vụ quản lý quỹ

| | Tại ngày 31/12/2021 |
|------------------------------------|------------------------|
| | VND |
| Phí quản lý quỹ (Thuyết minh 8(b)) | 9.497.153 |
| Phí giao dịch (Thuyết minh 8(b)) | 115.000 |
| Phí đại lý chuyển nhượng | 16.500.000 |
| | <u>26.112.153</u> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.7 Tình hình biến động vốn góp của người tham gia Quỹ

| | Đơn vị | Số dư tại ngày giao dịch đầu tiên | Phát sinh trong giai đoạn báo cáo | Số dư tại ngày 31/12/2021 |
|--|----------------|---|---|---------------------------------|
| Vốn góp phát hành | | | | |
| Số lượng chứng chỉ quỹ ("CCQ") | CCQ | 677.564,48 | 1.011.436,70 | 1.689.001,18 |
| Giá trị ghi theo mệnh giá | VND | 6.775.644.800 | 10.114.367.000 | 16.890.011.800 |
| Thặng dư vốn góp phát hành | VND | 10 | 188.533.000 | 188.533.010 |
| Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ | VND | 6.775.644.810 | 10.302.900.000 | 17.078.544.810 |
| Vốn góp mua lại | | | | |
| Số lượng | CCQ | - | (91.307,40) | (91.307,40) |
| Giá trị ghi theo mệnh giá | VND | - | (913.074.000) | (913.074.000) |
| Thặng dư vốn góp mua lại | VND | - | (31.641.985) | (31.641.985) |
| Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ | VND | - | (944.715.985) | (944.715.985) |
| Giá trị vốn góp hiện hành | VND | 6.775.644.810 | 9.358.184.015 | 16.133.828.825 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | VND | - | 437.123.849 | 437.123.849 |
| Giá trị tài sản ròng | VND | 6.775.644.810 | | 16.570.952.674 |
| Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành | CCQ | 677.564,48 | | 1.597.693,78 |
| Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ | VND/CCQ | 10.000,00 | | 10.371,79 |

6.8 Lợi nhuận chưa phân phối

| | Số dư tại ngày giao dịch đầu tiên VND | Phát sinh trong giai đoạn báo cáo VND | Số dư tại ngày 31/12/2021 VND |
|---------------------------------|--|--|--|
| Lỗ đã thực hiện | - | (74.699.667) | (74.699.667) |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | - | 511.823.516 | 511.823.516 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | | 437.123.849 | 437.123.849 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

7 THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (“NAV”)

| Giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 | | | | | |
|---|---------------|----------------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| STT | Ngày tính NAV | NAV VND | Số lượng chứng chỉ quỹ (“CCQ”) | NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(Giảm) NAV/CCQ VND |
| 1 | 28/04/2021 | 6.775.644.810 | 677.564,48 | 10.000,00 | |
| 2 | 11/05/2021 | 6.794.919.446 | 677.564,48 | 10.028,44 | 28,44 |
| 3 | 25/05/2021 | 6.838.418.807 | 677.564,48 | 10.092,64 | 64,20 |
| 4 | 08/06/2021 | 6.899.393.710 | 677.564,48 | 10.182,63 | 89,99 |
| 5 | 22/06/2021 | 6.948.584.390 | 682.278,33 | 10.184,38 | 1,75 |
| 6 | 30/06/2021 | 16.958.265.847 | 1.660.924,06 | 10.210,13 | 25,75 |
| 7 | 13/07/2021 | 16.744.110.593 | 1.660.924,06 | 10.081,20 | (128,93) |
| 8 | 27/07/2021 | 16.754.588.582 | 1.665.685,34 | 10.058,67 | (22,53) |
| 9 | 10/08/2021 | 17.035.931.388 | 1.665.685,34 | 10.227,58 | 168,91 |
| 10 | 24/08/2021 | 16.953.022.196 | 1.670.378,46 | 10.149,21 | (78,37) |
| 11 | 07/09/2021 | 17.080.893.971 | 1.670.378,46 | 10.225,76 | 76,55 |
| 12 | 21/09/2021 | 17.190.478.846 | 1.675.072,45 | 10.262,52 | 36,76 |
| 13 | 30/09/2021 | 17.172.156.044 | 1.675.072,45 | 10.251,59 | (10,93) |
| 14 | 12/10/2021 | 17.329.339.039 | 1.675.072,45 | 10.345,42 | 93,83 |
| 15 | 26/10/2021 | 16.556.395.084 | 1.606.854,93 | 10.303,60 | (41,82) |
| 16 | 09/11/2021 | 16.684.177.677 | 1.606.854,93 | 10.383,12 | 79,52 |
| 17 | 23/11/2021 | 16.680.388.710 | 1.611.477,81 | 10.350,98 | (32,14) |
| 18 | 07/12/2021 | 16.387.001.914 | 1.593.027,61 | 10.286,70 | (64,28) |
| 19 | 21/12/2021 | 16.540.657.884 | 1.597.693,78 | 10.352,83 | 66,13 |
| 20 | 31/12/2021 | 16.570.952.674 | 1.597.693,78 | 10.371,79 | 18,96 |
| Giá trị tài sản ròng bình quân trong giai đoạn | | | 14.582.171.373 | | |
| Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ trong giai đoạn – mức cao nhất | | | | | 168,91 |
| Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ trong giai đoạn – mức thấp nhất | | | | | 1,75 |

8 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong giai đoạn báo cáo, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

(i) Công ty Quản lý Quỹ

| | Giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 VND |
|-----------------------|---|
| Phí quản lý quỹ | 49.237.805 |
| Phí bán chứng chỉ quỹ | 93.718.234 |

Phí quản lý quỹ được tính trên số ngày thực tế trong kỳ định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá. Tỷ lệ phí quản lý quỹ hàng năm tối đa là 1,1%/năm. Công ty Quản lý Quỹ không thu phí quản lý đối với phần tài sản mà Quỹ đầu tư vào các quỹ khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

8 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

(ii) Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

| | Giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 |
|------------------------------------|--|
| | <u>VND</u> |
| Phí dịch vụ lưu ký (*) | - |
| Phí dịch vụ giám sát (*) | - |
| Phí dịch vụ quản trị quỹ (*) | - |
| Phí giao dịch mua, bán chứng khoán | 230.000 |
| Phí ngân hàng | 5.767.300 |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 1.029.799 |
| | <u><u> </u></u> |

(*) Theo điều lệ Quỹ, các dịch vụ này được miễn phí trong thời hạn ba mươi sáu (36) tháng đầu tiên kể từ ngày giao dịch đầu tiên.

(iii) Ban Đại diện Quỹ

| | Giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 |
|--|--|
| | <u>VND</u> |
| Thù lao của Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 5.6) | 72.385.617 |
| | <u><u> </u></u> |

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu trong hợp đồng. Thù lao của Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

8 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư với các bên liên quan như sau:

| | Tại ngày 31/12/2021 |
|---|--------------------------------|
| | VND |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam | |
| Phí quản lý quỹ phải trả (Thuyết minh 6.6) | 9.497.153 |
| Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) | |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ (Thuyết minh 6.1) | 165.833.914 |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động mua và mua lại chứng chỉ quỹ (Thuyết minh 6.1) | 48.000.000 |
| Phí giao dịch phải trả (Thuyết minh 6.6) | 115.000 |
| Ban Đại diện Quỹ | |
| Trích trước thù lao của Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 6.4) | 12.035.617 |

9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

| | | Giai đoạn từ 28/04/2021 đến 31/12/2021 |
|-----|--|---|
| 1 | Chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng trung bình | (*) 4,40% |
| 2 | Tốc độ vòng quay danh mục = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/ Giá trị tài sản ròng trung bình | (*) 121,52% |
| (*) | Chỉ tiêu này đã được điều chỉnh để phản ánh số liệu trên cơ sở Quỹ hoạt động tròn năm bằng cách chia cho thời gian Quỹ đã hoạt động tính theo ngày (từ ngày giao dịch đầu tiên) sau đó nhân với 365. | |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh, trong đó bao gồm các chính sách quản lý rủi ro tài chính và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Quý có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng
Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quý bao gồm chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết, chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết, trái phiếu Chính phủ và tiền gửi ngân hàng. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quý theo đúng mục tiêu đầu tư của Quý. Ngân hàng Giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quý phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quý. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quý cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán đầu tư của Quý chỉ được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có mức độ tín nhiệm an toàn. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán được thanh toán hoặc chi trả vào thời điểm chuyển giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm dự thu lãi trái phiếu. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu này được đánh giá thấp do các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn và các khoản phải thu có thời hạn thanh toán ngắn.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quý sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác. Quý có rủi ro thanh khoản cao do phải đáp ứng yêu cầu mua lại chứng chỉ quỹ từ các người tham gia Quý.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quý là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền và chứng khoán niêm yết, nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tất cả các khoản nợ phải trả của Quý có thời hạn thanh toán dưới 1 năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quý không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quý hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quý nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quý sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của Quý như trái phiếu Chính phủ, tiền gửi có kỳ hạn cố định bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Chi tiết lãi suất của trái phiếu Chính phủ của Quý được trình bày ở Thuyết minh 6.2.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quý bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quý không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quý là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quý.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quý đầu tư vào chứng khoán mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nếu giá chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Quý sẽ cao hơn/thấp hơn 1.617.456.275 Đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính của Quỹ bao gồm:

- Tiền
- Công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác;
- Quyền theo hợp đồng để:
 - Nhận tiền mặt hoặc tài sản tài chính khác từ đơn vị khác; hoặc
 - Trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện có thể có lợi cho Quỹ;
- Hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Quỹ hoặc là các hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính hiện chưa được đề cập trong Thông tư 210 cũng như trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012, Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ hưu trí tự nguyện.

Do đó, Quỹ áp dụng phương pháp định giá tài sản ròng theo Thông tư 98/2020/TT-BTC, Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

| | <u>Giá trị ghi sổ</u> VND | <u>Giá trị hợp lý</u> VND |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền | 213.833.914 | 213.833.914 |
| Các khoản đầu tư thuần | 16.174.562.751 | 16.174.562.751 |
| - Chứng chỉ quỹ | 8.059.034.751 | 8.059.034.751 |
| - Trái phiếu Chính phủ | 8.115.528.000 | 8.115.528.000 |
| Phải thu ròng về tiền lãi các khoản đầu tư | 348.476.712 | 348.476.712 |
| - Phải thu lãi trái phiếu Chính phủ | 348.476.712 | 348.476.712 |
| Tổng cộng | <u>16.736.873.377</u> | <u>16.736.873.377</u> |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Phải trả cho các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ | 572.933 | 572.933 |
| Chi phí phải trả | 91.235.617 | 91.235.617 |
| Phải trả cho người tham gia Quỹ về mua chứng chỉ quỹ | 48.000.000 | 48.000.000 |
| Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ | 26.112.153 | 26.112.153 |
| Tổng cộng | <u>165.920.703</u> | <u>165.920.703</u> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021 (NGÀY GIAO DỊCH ĐẦU TIÊN)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

11 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết của người tham gia Quỹ lần 1 năm tài chính 2022 ngày 28 tháng 1 năm 2022, cơ cấu đầu tư của Quỹ được thay đổi như sau:

- (i) Mục tiêu hướng đến tối đa 20% tổng tài sản vào chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư chứng khoán không phải là quỹ đầu tư trái phiếu;
- (ii) Mục tiêu hướng đến tối thiểu 80% tổng tài sản vào trái phiếu Chính phủ và chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư trái phiếu, trong đó tối thiểu 50% tổng tài sản vào trái phiếu Chính phủ; và
- (iii) Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ở mức phù hợp cho hoạt động đầu tư của Quỹ.

Khi các điều kiện của thị trường, giao dịch hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho người tham gia Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có thể duy trì hoạt động đầu tư của Quỹ bằng việc nắm giữ tài sản của Quỹ bằng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể không đạt được mục tiêu đầu tư đề ra nhưng vẫn tuân thủ theo tỷ lệ của luật hiện hành quy định.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính.

12 PHÊ CHUẨN PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 28 tháng 4 năm 2021 (ngày giao dịch đầu tiên) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn để phát hành vào ngày 15 tháng 3 năm 2022.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Beat Schurch
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Ninh Thị Tuệ Minh
Kế toán Quỹ
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 3 năm 2022